

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ- ST
Ngày 06 - 02 - 2018
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh.

Bà Doãn Thị Vệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2017/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/01/ 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1975, vắng mặt.

Đều trú tại: Tổ x, phường T, thị xã P, Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13 tháng 10 năm 2017, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc N đăng ký kết hôn ngày 09/02/2001 tại UBND thị trấn P, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh N tại Tổ x, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và dẫn đến xô sát. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị đã nói chuyện, khuyên anh N rất nhiều, nhưng anh N vẫn không thay đổi dẫn đến tình trạng vợ chồng càng ngày

càng mâu thuẫn. Tháng 9 năm 2017, vợ chồng cãi vã anh N chửi chị và dùng gạch ném chị, gây mất trật tự tổ dân phố, nên bị Công an phường T đến lập biên bản và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Mặc dù hiện chị và anh N vẫn sống cùng nhà, nhưng không ai quan tâm đến ai, anh N làm gì và đi đâu chị cũng không biết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 06/4/2001 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 24/02/2002. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị và anh N tại Tổ x, phường T, thị xã P, Vĩnh Phúc. Ly hôn quan điểm của chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang làm tại Công ty M ở Khu công nghiệp B2, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc với mức thu nhập trung bình khoảng 7.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi hai con.

Về quan hệ tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc N, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng anh N không đến làm việc. Cán bộ Tòa án và cán bộ UBND phường T phải đến tận nhà anh N làm việc, nhưng không gặp được anh N. Tòa án đã gửi các thông báo thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo hòa giải anh N đều ký nhận nhưng không ra Tòa làm việc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử này đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải và anh N đều ký nhận nhưng không ra Tòa làm việc.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử;

Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 06/4/2001 và

Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 24/02/2002 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có đơn đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 13 tháng 10 năm 2017 chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, địa chỉ cư trú: Tổ x, phường T, thị xã P, Vĩnh Phúc có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú: Tổ x, phường T, thị xã P, Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] . Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự , nhưng bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét đơn xin ly hôn của Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Ngọc N Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 09/02/2001 tại UBND thị trấn P, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chị T và anh N sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù anh N và chị T vẫn chung sống cùng một mái nhà, nhưng không ai quan tâm đến ai, anh N làm gì đi đâu chị T cũng không biết. Qua xác minh tại địa phương cho thấy trong quá trình chung sống chị T và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tháng 9 năm 2017 giữa hai anh chị đã xảy ra xô sát gây mất trật tự tổ dân phố, nên Công an phường T phải đến nhà lập biên bản và ra Quyết định xử phạt hành chính đối với anh N. Anh N mặc dù biết chị T xin ly hôn, nhưng anh không đến trình bày quan điểm và có thái độ bất hợp tác với Tòa án. Từ đó cho thấy anh N không quan tâm đến tâm tư, tình cảm của chị T, quan hệ vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng. Trong quá trình giải

quyết vụ án và tại phiên toà chị T đều có quan điểm xin ly hôn anh N, xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 06/4/2001 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 24/02/2002. Hiện nay cháu My và cháu Quân đang sinh sống cùng chị T và anh N tại Tổ x, phường T, thị xã P, Vĩnh Phúc. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị T là tự nguyện và chính đáng, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ. Chị T có chỗ ở ổn định và đang công tác tại Công ty M ở Khu công nghiệp B2, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc với mức thu nhập trung bình khoảng 7000.000đ/tháng, hơn nữa cháu M và cháu Q cũng có nguyện vọng xin được ở cùng chị T. Nên ly hôn cần giao cháu M và cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi, chăm sóc giáo dục và chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp cần được chấp nhận.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 06/4/2001 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 24/02/2002 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T; anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0003272 ngày 19 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên; chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết !.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- \ - UBND phường T
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lưu Thị Thúy